

Số: 13/2016/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định quản lý Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 2395/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định quản lý Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định quản lý Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước được phê duyệt tại Quyết định số 2395/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây viết tắt là Đề án 2395).

2. Đối tượng áp dụng của Thông tư này là cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, nhóm nghiên cứu, cán bộ quản lý khoa học và công nghệ ở các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức khoa học và công nghệ và doanh nghiệp; các Bộ, ngành, địa phương và tổ chức có liên quan.

Điều 2. Hình thức, mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng

1. Đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia: Cử chuyên gia khoa học và công nghệ đi đào tạo, bồi dưỡng thông qua triển khai nhiệm vụ nghiên cứu hoặc làm việc có thời hạn tại cơ sở nghiên cứu, đào tạo hoặc doanh nghiệp công nghệ ở nước ngoài nhằm hình thành đội ngũ chuyên gia khoa học và công nghệ có trình độ chuyên môn sâu, có kỹ năng nghiên cứu và triển khai những vấn đề khoa học và

công nghệ của ngành, lĩnh vực đạt trình độ khu vực và thế giới, tạo nguồn để phát triển thành nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư.

2. Đào tạo, bồi dưỡng theo nhóm: Cử nhóm nghiên cứu đi đào tạo, bồi dưỡng thông qua triển khai nhiệm vụ nghiên cứu tại cơ sở nghiên cứu, đào tạo hoặc doanh nghiệp công nghệ ở nước ngoài để hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, có năng lực giải quyết các nhiệm vụ khoa học và công nghệ quan trọng của ngành, lĩnh vực. Mỗi nhóm được cử không quá 05 thành viên do Trưởng nhóm đề xuất.

3. Bồi dưỡng sau tiến sỹ: Cử cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ có trình độ tiến sỹ tham gia bồi dưỡng sau tiến sỹ thông qua triển khai nhiệm vụ nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo ở trong nước và nước ngoài nhằm phát triển và hoàn thiện kỹ năng nghiên cứu và triển khai, tạo nguồn để hình thành chuyên gia trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ.

4. Bồi dưỡng nhân lực quản lý khoa học và công nghệ: Cử cán bộ quản lý khoa học và công nghệ tham gia các khóa bồi dưỡng ở trong nước và nước ngoài để nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý khoa học và công nghệ, quản lý đổi mới sáng tạo.

Điều 3. Thời gian đào tạo, bồi dưỡng

1. Thời gian đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia: không quá 02 năm.
2. Thời gian đào tạo, bồi dưỡng theo nhóm nghiên cứu: không quá 06 tháng.
3. Thời gian bồi dưỡng sau tiến sỹ: không quá 02 năm.
4. Thời gian bồi dưỡng cán bộ quản lý khoa học và công nghệ: không quá 03 tháng.

Trường hợp đặc biệt cần kéo dài thời gian đào tạo, bồi dưỡng do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định, nhưng không quá 03 tháng với đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này, không quá 01 tháng với đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều này.

Điều 4. Lĩnh vực, nội dung đào tạo, bồi dưỡng

1. Đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia, nhóm nghiên cứu và sau tiến sỹ cho các lĩnh vực khoa học và công nghệ, trong đó tập trung vào các lĩnh vực công nghệ ưu tiên, công nghệ mới, công nghệ cao được xác định trong chiến lược và kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ trong từng thời kỳ.

2. Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng quản lý khoa học và công nghệ, quản lý đổi mới sáng tạo cho cán bộ quản lý khoa học và công nghệ.

Điều 5. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng

1. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài là các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp ở các nước có nền khoa học và công nghệ phát triển, có uy tín và kinh nghiệm về lĩnh vực cần đào tạo, bồi dưỡng, đạt được thành tựu

tiên tiến trong lĩnh vực nghiên cứu và phát triển, quản lý khoa học và quản trị công nghệ.

2. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước là các cơ sở có uy tín và kinh nghiệm, có đủ năng lực, được Bộ Khoa học và Công nghệ lựa chọn và giao tổ chức thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng.

Điều 6. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng

1. Các tổ chức khoa học và công nghệ công lập đề xuất nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ theo các hình thức quy định tại Điều 2 Thông tư này, gửi về cơ quan chủ quản là Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp, đề xuất nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ theo mẫu B1.1-ĐKNC tại Phụ lục 1 của Thông tư này, gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 30 tháng 4 hằng năm để tổng hợp, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ.

2. Các tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập, doanh nghiệp đề xuất nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 30 tháng 3 hằng năm để tổng hợp, xây dựng kế hoạch.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ căn cứ định hướng, chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ, quy hoạch phát triển nhân lực khoa học và công nghệ trong từng thời kỳ; đề xuất của các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và khả năng đáp ứng của nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ, tổng hợp, xây dựng, ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ của Đề án 2395 trước ngày 20 tháng 6 hằng năm để dự toán kinh phí thực hiện cho năm tiếp theo. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ được đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ tại địa chỉ: www.most.gov.vn.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHÍ, QUY TRÌNH TUYỂN CHỌN CÁ NHÂN ĐI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CHUYÊN GIA, NHÓM NGHIÊN CỨU VÀ SAU TIẾN SỸ

Điều 7. Điều kiện dự tuyển đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia

Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây được xem xét, cử đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia:

1. Thuộc cơ sở dữ liệu chuyên gia khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ; trường hợp không thuộc cơ sở dữ liệu này do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.

2. Thuộc biên chế hoặc làm việc toàn thời gian, liên tục từ 12 tháng trở lên tại các đơn vị quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này.

3. Không quá 55 tuổi đối với nam và 50 tuổi đối với nữ tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển.

4. Có thuyết minh đề cương nghiên cứu dự kiến triển khai trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng (trong đó nêu rõ sự cần thiết, mục tiêu, ý nghĩa, nội dung nghiên cứu, kế hoạch thực hiện, dự kiến kết quả đạt được, phương án áp dụng), được cơ sở nghiên cứu, đào tạo ở nước ngoài chấp thuận.

5. Trình độ ngoại ngữ thành thạo, đáp ứng yêu cầu của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 (B2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

6. Có định hướng phát triển chuyên môn, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm, nghiên cứu cho cán bộ nghiên cứu tại đơn vị sau khóa đào tạo, bồi dưỡng.

7. Được cơ quan, đơn vị quản lý đồng ý cử đi đào tạo, bồi dưỡng bằng văn bản.

Điều 8. Điều kiện dự tuyển đào tạo, bồi dưỡng theo nhóm

Nhóm nghiên cứu đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây được xem xét, cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo nhóm:

1. Đang tiến hành nghiên cứu tại viện nghiên cứu, trường đại học, phòng thí nghiệm, cơ sở ương tạo hoặc doanh nghiệp; có một nhà khoa học đứng đầu làm Trưởng nhóm, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về chuyên môn.

2. Nhóm hoặc các thành viên của nhóm có thành tích khoa học và công nghệ được thể hiện thông qua: bài báo được đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín, hoặc sách chuyên khảo, hoặc sáng chế, giải pháp hữu ích được bảo hộ, hoặc giải pháp công nghệ, giải pháp kỹ thuật đã đăng ký và được chấp thuận, hoặc đạt giải thưởng về khoa học và công nghệ.

Yêu cầu về bài báo khoa học đã được công bố, sách chuyên khảo đã được xuất bản thực hiện theo quy định tại Điều 2, Điều 3 Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư.

Danh mục tạp chí khoa học quốc tế có uy tín được xác định theo Quyết định phê duyệt danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành được tính điểm công trình khoa học quy đổi khi xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước hằng năm.

Giải thưởng về khoa học và công nghệ được xác định theo quy định tại Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Có kế hoạch và định hướng nghiên cứu chuyên sâu với các mục tiêu cụ thể của nhóm.

4. Có đề cương nghiên cứu dự kiến triển khai trong thời gian đi đào tạo, bồi dưỡng (trong đó nêu rõ sự cần thiết, mục tiêu, ý nghĩa, nội dung nghiên cứu, kế hoạch thực hiện, dự kiến kết quả đạt được, phương án áp dụng) hoặc đang triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà trong nước chưa có điều kiện để thực hiện hoặc không thực hiện được, được cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài chấp thuận.

5. Tuổi của mỗi thành viên trong nhóm không quá 50 tuổi.

6. Trình độ ngoại ngữ thành thạo, đáp ứng yêu cầu của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 (B2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Điều 9. Điều kiện dự tuyển bồi dưỡng sau tiến sỹ

Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ có trình độ tiến sỹ được xem xét, cử đi bồi dưỡng sau tiến sỹ khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

1. Đang làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ hoặc doanh nghiệp; dưới 40 tuổi.

2. Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm liên tục nghiên cứu về lĩnh vực khoa học và công nghệ đăng ký đi bồi dưỡng tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển.

3. Là tác giả chính của ít nhất 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín trong thời gian 05 (năm) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển.

Danh mục tạp chí khoa học quốc tế có uy tín được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

4. Có thuyết minh đề cương nghiên cứu dự kiến triển khai trong thời gian đi đào tạo, bồi dưỡng (trong đó nêu rõ sự cần thiết, mục tiêu, ý nghĩa, nội dung nghiên cứu, kế hoạch thực hiện, dự kiến kết quả đạt được, phương án áp dụng), được cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chấp thuận.

5. Ngoại ngữ thành thạo, đáp ứng yêu cầu của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 (B2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Điều 10. Nguyên tắc và tiêu chí tuyển chọn cá nhân đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia, nhóm nghiên cứu và sau tiến sỹ

Việc tuyển chọn cá nhân để cử đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia, nhóm nghiên cứu và sau tiến sỹ được thực hiện theo nguyên tắc cạnh tranh, trên cơ sở các tiêu chí sau:

1. Trình độ chuyên môn và thành tích khoa học và công nghệ.

2. Chất lượng của thuyết minh đề cương nghiên cứu dự kiến triển khai trong thời gian đi đào tạo, bồi dưỡng.

3. Ưu tiên thuyết minh đề cương nghiên cứu là nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc các Chương trình, Đề án khoa học và công nghệ cấp quốc gia; nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt hoặc đặc biệt quan trọng; nhiệm vụ khoa học và công nghệ khẩn cấp ảnh hưởng đến sức khỏe, an ninh, quốc phòng hoặc chuyển giao công nghệ, vận hành công nghệ mới tại các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, các tổ chức y tế, an ninh quốc phòng, cơ quan quản lý nhà nước; nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ các hướng nghiên cứu mới và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác mà trong nước chưa hình thành, chưa có hoặc không có điều kiện để thực hiện.

4. Ưu tiên đối tượng được hỗ trợ một phần kinh phí đào tạo, bồi dưỡng từ nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước.

Điều 11. Thông báo tuyển chọn

1. Hằng năm, sau khi phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo công khai về việc tuyển chọn nhân lực để cử đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia, nhóm nghiên cứu và bồi dưỡng sau tiến sỹ. Việc tuyển chọn có thể được thực hiện nhiều lần trong năm.

2. Nội dung thông báo gồm: Nội dung, hình thức, chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng; chế độ, chính sách đối với học viên; đối tượng dự tuyển; điều kiện dự tuyển; hồ sơ và thời hạn dự tuyển.

3. Thông báo tuyển chọn được gửi về Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty nhà nước và đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ tại địa chỉ: www.most.gov.vn.

Điều 12. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

Hồ sơ đăng ký dự tuyển đi đào tạo, bồi dưỡng gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ gồm 01 bộ hồ sơ giấy kèm theo file định dạng pdf.

Thành phần hồ sơ gồm :

1. Phiếu đăng ký xét chọn, tuyển chọn có xác nhận của đơn vị quản lý trực tiếp theo mẫu B1.2-ĐKCG; mẫu B1.3-ĐKNNC hoặc mẫu B1.4.ĐKSTS tại Phụ lục 1 của Thông tư này.

2. Lý lịch khoa học bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

3. Đề cương nghiên cứu dự kiến triển khai trong thời gian đi đào tạo, bồi dưỡng bằng tiếng Việt và tiếng Anh (làm rõ mục tiêu, ý nghĩa, sự cần thiết của của đề cương nghiên cứu, nội dung nghiên cứu, kế hoạch thực hiện, dự kiến kết quả đạt được, phương án áp dụng).

4. Văn bản đồng ý tiếp nhận của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước hoặc nước ngoài được dịch ra tiếng Việt.

5. Văn bản đồng ý cử đi đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan, đơn vị quản lý.

6. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ; giấy tờ chứng minh đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 7; Điều 8 hoặc Điều 9 Thông tư này.

7. Định hướng phát triển chuyên môn (đối với đào tạo chuyên gia); kế hoạch và định hướng nghiên cứu chuyên sâu (đối với nhóm nghiên cứu) bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

8. Văn bản cam kết thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của học viên trong và sau khi hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng.

9. Xác nhận về những hỗ trợ khác ngoài ngân sách nhà nước (nếu có).

Điều 13. Xử lý hồ sơ dự tuyển và phê duyệt danh sách trúng tuyển

1. Hết thời hạn nhận hồ sơ dự tuyển (theo Thông báo), Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp danh sách cá nhân đăng ký dự tuyển đi đào tạo, bồi dưỡng theo từng hình thức đào tạo, bồi dưỡng; tổ chức đánh giá hồ sơ dự tuyển thông qua Hội đồng tuyển chọn.

2. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt danh sách trúng tuyển, thông báo kết quả cho người trúng tuyển và đơn vị quản lý người trúng tuyển theo một hoặc kết hợp các hình thức sau:

a) Đăng thông tin trên trang thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ tại địa chỉ: www.most.gov.vn;

b) Thông báo qua bưu điện theo đường văn thư;

c) Thông báo qua thư điện tử cá nhân (email) của ứng viên;

d) Các hình thức khác.

Kết quả trúng tuyển có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký quyết định phê duyệt trúng tuyển.

Điều 14. Hội đồng tuyển chọn

1. Hội đồng tuyển chọn do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập, gồm 05 (năm) thành viên:

a) Chủ tịch Hội đồng: Trưởng Ban điều hành Đề án 2395;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: Đại diện lãnh đạo đơn vị được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao là cơ quan thường trực Đề án 2395;

c) Thư ký Hội đồng: Đại diện đơn vị được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao là cơ quan thường trực Đề án 2395;

d) Ủy viên Hội đồng: Đại diện lãnh đạo các đơn vị liên quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ. Căn cứ yêu cầu của từng hình thức, nội dung đào

tạo, bồi dưỡng, các ủy viên hội đồng có thể bao gồm các nhà khoa học và đại diện cơ quan, đơn vị khác.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng tuyển chọn:

a) Nhận xét, đánh giá về hồ sơ dự tuyển theo từng hình thức đào tạo, bồi dưỡng căn cứ vào các điều kiện quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư này;

b) Tuyển chọn hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chí của từng hình thức đào tạo, bồi dưỡng theo quy định và bỏ phiếu đánh giá cho từng hồ sơ theo mẫu B2.1-PĐG tại Phụ lục 2 của Thông tư này. Nếu hồ sơ dự tuyển vượt chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng thì tiến hành tuyển chọn theo nguyên tắc cạnh tranh, trên cơ sở các tiêu chí quy định tại Điều 10 Thông tư này.

3. Nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng: ghi biên bản các cuộc họp, kết quả đánh giá hồ sơ dự tuyển của Hội đồng theo mẫu B2.2-KQHĐ tại Phụ lục 2 của Thông tư này, gửi đơn vị thường trực Đề án 2395 và thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong quá trình tuyển chọn theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng tuyển chọn.

4. Hội đồng làm việc khi có mặt từ 04 (bốn) thành viên trở lên theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số. Trường hợp có số phiếu bằng nhau thì quyết định theo bên có số phiếu của Chủ tịch Hội đồng.

5. Người có bố, mẹ, vợ (chồng), con, anh chị em ruột đăng ký dự tuyển thì không được tham gia Hội đồng tuyển chọn.

6. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 15. Liên hệ cơ sở đào tạo và cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Người trúng tuyển tự liên hệ, xin văn bản tiếp nhận đào tạo, bồi dưỡng chính thức từ cơ sở tiếp nhận đào tạo, bồi dưỡng. Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan liên quan hỗ trợ ứng viên liên hệ với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong trường hợp cần thiết.

2. Người trúng tuyển được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy triệu tập đi đào tạo, bồi dưỡng và ra quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án 2395 khi có văn bản cử đi đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan, đơn vị quản lý ứng viên.

Chương III

BỒI DƯỠNG NHÂN LỰC QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 16. Điều kiện để cử đi bồi dưỡng

1. Bồi dưỡng ở trong nước

Cán bộ quản lý khoa học và công nghệ được cử tham gia các khóa bồi dưỡng ở trong nước phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Có ít nhất 02 (hai) năm liên tục tính đến thời điểm được cử đi đào tạo, bồi dưỡng làm công tác quản lý khoa học và công nghệ tại các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức khoa học và công nghệ và doanh nghiệp và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ;

- b) Không trong thời gian xem xét, thi hành kỷ luật từ khiển trách trở lên;
- c) Vị trí việc làm phù hợp với nội dung của khóa bồi dưỡng;
- d) Có văn bản cử đi bồi dưỡng của cơ quan quản lý;
- đ) Còn đủ thời gian công tác ít nhất 02 (hai) năm tính từ thời điểm khóa bồi dưỡng bắt đầu.

2. Bồi dưỡng ở nước ngoài

Cán bộ quản lý khoa học và công nghệ được cử tham gia các khóa bồi dưỡng ở nước ngoài phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- a) Giữ chức vụ lãnh đạo từ cấp phòng trở lên hoặc quy hoạch từ cấp Phó Giám đốc Sở Khoa học và công nghệ, Phó Vụ trưởng hoặc tương đương trở lên;
- b) Còn đủ thời gian công tác ít nhất 03 (ba) năm tính từ thời điểm khóa bồi dưỡng bắt đầu;
- c) Không trong thời gian xem xét, thi hành kỷ luật từ khiển trách trở lên;
- d) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm trước liền kề;
- đ) Vị trí việc làm phù hợp với nội dung của khóa bồi dưỡng;
- e) Có văn bản đồng ý cử đi bồi dưỡng của cơ quan quản lý.

Điều 17. Tổ chức bồi dưỡng ở trong nước

1. Căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài hằng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ lựa chọn và quyết định giao cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước tổ chức thực hiện các khóa bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng quản lý khoa học và công nghệ, quản lý đổi mới sáng tạo cho cán bộ quản lý khoa học và công nghệ.

2. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng được giao tổ chức thực hiện các khóa bồi dưỡng thực hiện các việc sau :

a) Xây dựng chương trình/kế hoạch tổ chức từng khóa bồi dưỡng (gồm: đối tượng, mục tiêu, nội dung chương trình, hình thức thực hiện, thời gian, địa điểm tổ chức, các chuyên đề bồi dưỡng, giảng viên, số lượng học viên dự kiến,...) và dự toán chi tiết kinh phí thực hiện gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để thẩm định, phê duyệt;

b) Tổ chức biên soạn, thẩm định và ban hành tài liệu giảng dạy của khóa bồi dưỡng và tự chịu trách nhiệm về nội dung tài liệu;

c) Tổ chức triển khai các khóa bồi dưỡng theo kế hoạch đã được duyệt (số học viên tối thiểu của một khóa bồi dưỡng là 30 người); quản lý khóa bồi dưỡng; đánh giá kết quả học tập và cấp giấy Chứng nhận cho học viên theo quy định hiện hành;

d) Báo cáo đánh giá kết quả của khóa bồi dưỡng và báo cáo quyết toán kinh phí gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ chậm nhất 20 ngày sau khi khóa bồi dưỡng kết thúc;

đ) Lưu trữ toàn bộ hồ sơ, chứng từ của từng khóa bồi dưỡng.

3. Cơ sở được giao tổ chức thực hiện khóa bồi dưỡng được thuê chuyên gia nước ngoài về nước giảng dạy; được hưởng các chế độ chính sách theo quy định hiện hành.

Điều 18. Tổ chức bồi dưỡng ở nước ngoài

1. Căn cứ kế hoạch bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài hằng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ phân bổ chỉ tiêu bồi dưỡng cán bộ quản lý khoa học và công nghệ ở nước ngoài cho các Bộ, ngành, địa phương và tổ chức liên quan.

2. Các Bộ, ngành, địa phương và tổ chức liên quan quyết định cử cán bộ đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp danh sách, quyết định thành lập đoàn đi bồi dưỡng ở nước ngoài, trong đó cử 01 (một) thành viên làm Trưởng đoàn; ký hợp đồng đào tạo, bồi dưỡng đối với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài.

Chương IV

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC CỬ ĐI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 19. Quyền của người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Thông tư này.

2. Được đơn vị sử dụng và quản lý tạo điều kiện, bố trí thời gian tham gia chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

3. Được tiếp nhận trở lại cơ quan, đơn vị và tạo điều kiện để ứng dụng kết quả đào tạo, bồi dưỡng vào công việc chuyên môn.

Điều 20. Nghĩa vụ của người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Tuân thủ chính sách, pháp luật của Việt Nam và nước cử đến học, quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và nước ngoài.

2. Hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng đã đăng ký, trở về đơn vị công tác đúng hạn để ứng dụng kết quả đào tạo, bồi dưỡng vào công việc chuyên môn; tiếp tục thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tại đơn vị đã cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian ít nhất gấp 03 (ba) lần thời gian đi đào tạo, bồi dưỡng.

3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng năm (đối với các khóa đào tạo, bồi dưỡng có thời gian trên 01 năm) theo mẫu B3.1-BCĐK và báo cáo kết quả khi khóa đào tạo, bồi dưỡng kết thúc theo mẫu B3.2-BCKQ tại Phụ lục 3 của Thông tư này, gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ và đơn vị quản lý.

Thời hạn gửi báo cáo: Trong thời hạn 15 ngày khi kết thúc 01 năm (12 tháng) đào tạo, bồi dưỡng tính từ thời điểm khóa đào tạo, bồi dưỡng bắt đầu (đối với báo cáo định kỳ hằng năm); trong thời hạn 15 ngày sau khi khóa bồi dưỡng kết thúc (đối với báo cáo kết quả khi khóa đào tạo, bồi dưỡng kết thúc).

4. Phải đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng theo quy định hiện hành về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức nếu tự ý không tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng khi đã làm đầy đủ các thủ tục nhập học và đã được cơ quan cấp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng; tự ý bỏ học, bỏ việc hoặc thôi việc trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng; không thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này; hoặc vi phạm kỷ luật của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng dẫn đến bị chấm dứt khóa đào tạo, bồi dưỡng.

5. Trưởng nhóm của nhóm nghiên cứu được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài phải quản lý và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động chuyên môn, hoạt động nghiên cứu và các hoạt động khác của nhóm; đại diện cho nhóm để thực hiện các thủ tục liên quan đến khóa đào tạo, bồi dưỡng, giao dịch với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ kết quả đào tạo, bồi dưỡng của nhóm.

6. Người được cử làm Trưởng đoàn đi bồi dưỡng cán bộ quản lý khoa học và công nghệ ở nước ngoài phải quản lý và chịu trách nhiệm về hoạt động của đoàn trong thời gian đi bồi dưỡng ở nước ngoài; thay mặt đoàn giao dịch với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ kết quả bồi dưỡng của đoàn.

Điều 21. Chế độ, chính sách đối với người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước

1. Người được cử đi bồi dưỡng về quản lý khoa học và công nghệ ở trong nước đang làm ở cơ quan nhà nước, tổ chức khoa học và công nghệ công lập được hưởng các chế độ hiện hành về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở trong nước.

Người tham gia bồi dưỡng về quản lý khoa học và công nghệ ở trong nước đang làm việc ở các tổ chức ngoài công lập, doanh nghiệp được hỗ trợ học phí và các phí khác liên quan trực tiếp đến khóa học.

2. Người được cử đi bồi dưỡng sau tiến sĩ ở trong nước được hỗ trợ các nội dung theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 09/2015/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ.

Điều 22. Chế độ, chính sách đối với người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài

1. Được hưởng chế độ tiền lương và các chế độ khác theo quy định hiện hành đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng nếu đang làm việc tại cơ quan nhà nước, tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

2. Được trả kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, phí triển khai nhiệm vụ nghiên cứu, phí khác liên quan đến khoá đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc (nếu có) theo thỏa thuận với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

3. Được cấp sinh hoạt phí bảo đảm cho nhu cầu nghiên cứu và học tập; phí mua vé máy bay khứ hồi hạng phổ thông, phí đi đường, lệ phí làm hộ chiếu, visa và bảo hiểm y tế.

4. Hỗ trợ kinh phí nghiên cứu cho đối tượng đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia, nhóm nghiên cứu và bồi dưỡng sau tiến sỹ, theo các nội dung sau:

a) Mua tài liệu, sách chuyên môn, công cụ cần thiết phục vụ trực tiếp nhu cầu học tập và nghiên cứu;

b) Thực hiện các hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, thực nghiệm hỗ trợ cho việc triển khai nhiệm vụ nghiên cứu;

c) Công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí ISI uy tín, ghi rõ nguồn hỗ trợ để thực hiện công bố là từ Đề án 2395 của Chính phủ Việt Nam;

d) Phí đăng ký lần đầu quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài với sáng chế và giống cây trồng nếu sáng chế và giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ nghiên cứu theo Đề án 2395, đã được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ bởi cơ quan có thẩm quyền. Quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế và giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ nghiên cứu theo Đề án 2395 thuộc về tổ chức, cá nhân Việt Nam.

Chương V

TỔ CHỨC QUẢN LÝ ĐỀ ÁN

Điều 23. Nội dung quản lý Đề án

1. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm và từng giai đoạn phù hợp với mục tiêu của Đề án 2395.

2. Tổ chức thông báo, tuyển chọn, thực hiện việc đưa cá nhân đi đào tạo, bồi dưỡng.

3. Theo dõi, kiểm tra, đánh giá quá trình đào tạo, bồi dưỡng của người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

4. Thương thảo và ký kết hợp đồng đào tạo, bồi dưỡng với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và nước ngoài.

5. Xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học và công nghệ tham gia Đề án 2395.

6. Tổ chức thông tin, tuyên truyền, giới thiệu về Đề án 2395 thông qua các hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết, phổ biến kết quả của Đề án 2395 và các hình thức khác.

7. Xử lý rủi ro trong quá trình triển khai Đề án 2395.

8. Các nội dung khác phục vụ việc quản lý Đề án 2395.

Điều 24. Cơ quan quản lý Đề án

1. Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ trì tổ chức triển khai và quản lý Đề án 2395.

2. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Ban điều hành Đề án gồm 07 thành viên, do 01 Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ làm Trưởng Ban.

Ban điều hành Đề án tổ chức hoạt động theo Quy chế do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao một đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ làm cơ quan thường trực để giúp quản lý, tổ chức triển khai thực hiện Đề án 2395.

Nhiệm vụ cụ thể của cơ quan thường trực Đề án 2395 do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định.

Điều 25. Quản lý cá nhân được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan liên quan quản lý người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

2. Cá nhân không chấp hành quy định trong thời gian đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc vi phạm kỷ luật của cơ sở nghiên cứu, đào tạo sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và phải bồi hoàn kinh phí theo quy định hiện hành.

Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với đơn vị quản lý người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng xử lý vi phạm theo quy định hiện hành.

Điều 26. Quản lý kinh phí của Đề án 2395

1. Kinh phí thực hiện Đề án 2395 bao gồm kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hằng năm và kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

2. Kinh phí phải được sử dụng đúng mục đích, bảo đảm hiệu quả theo dự toán đã được phê duyệt và theo các quy định về quản lý tài chính của Đề án 2395.

3. Nội dung quản lý tài chính của Đề án 2395 được hướng dẫn cụ thể tại Thông tư quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án 2395 do Bộ Tài chính ban hành.

Điều 27. Quản lý rủi ro

Trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài theo Đề án 2395, nếu người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng bị ốm đau, tai nạn hoặc các trường hợp bất khả kháng khác, Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan để giải quyết.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG VÀ TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 28. Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì tổ chức thực hiện, quản lý Đề án 2395.
2. Hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương và tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia Đề án 2395.
3. Tổ chức thẩm định, tuyển chọn, quyết định cử cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, nhóm nghiên cứu đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và nước ngoài theo Đề án 2395.
4. Thương thảo và ký kết hợp đồng đào tạo, bồi dưỡng với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và nước ngoài.
5. Thực hiện chế độ, chính sách đối với người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại Thông tư này và Thông tư quản lý tài chính của Đề án 2395.
6. Quản lý người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng.
7. Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả của Đề án 2395.

Điều 29. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Đề xuất nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ của Bộ, ngành, địa phương mình gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ của Đề án 2395.
2. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý đăng ký tham gia Đề án 2395. Cử cán bộ quản lý khoa học và công nghệ đi đào tạo, bồi dưỡng theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.
3. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

Điều 30. Các tổ chức có liên quan

Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, tổ chức khoa học và công nghệ, đơn vị có đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, doanh nghiệp và tổ chức khác đề xuất nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ với Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án 2395.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Áp dụng các văn bản viện dẫn

Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 33. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2016.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các Hội, đoàn thể;
- Công báo, Công TTĐTCP;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở KH&CN;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công thông tin điện tử của Bộ KH&CN;
- Lưu: Bộ KH&CN (VT, TCCB).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Tùng

